

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2025

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang;

2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện khu vực 5, tỉnh An Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tiêu Tuấn A - sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Bà Lê Bích T - sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/4/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tiêu Tuấn A trình bày: Tôi và bà Lê Bích T có tìm hiểu nhau trước được một thời gian nên đến năm 2000 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/9/2006.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2004 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình tình vợ chồng tôi không phù hợp nhau, bà T bỏ nhà đi lúc con tôi còn nhỏ và không liên lạc được, để lại một mình tôi nuôi con và chúng tôi đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình

cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ tôi là Lê Bích T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Tiêu Thái S - sinh ngày 08/3/2001, hiện nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Lê Bích T không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với vợ tôi là Lê Bích T.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Đối với bà Lê Bích T1 trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T nhiều lần nhưng bà vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân hkhv vực 5, tỉnh An Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Tiêu Tuấn A được ly hôn với bà Lê Bích T. Về con chung: Không đề nghị. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Tiêu Tuấn A và bà Lê Bích T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Tiêu Tuấn A là nguyên đơn và bà Lê Bích T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông A có đơn xin xét xử vắng mặt còn bà T được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng bà không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Tiêu Tuấn A và bà Lê Bích T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Ông Tiêu Tuấn A và bà Lê Bích T kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/9/2006 cho nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của ông Tiêu Tuấn A và bà Lê Bích T là hôn nhân tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Ông A cho rằng do tính tình vợ chồng tối không phù hợp nhau nên bà T bỏ nhà đi lúc con của ông bà còn nhỏ và không liên lạc được, để lại một mình ông nuôi con và ông bà đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Do đó, ngày 16/5/2025 và ngày 02/6/2025 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 đến nay và ông A cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương bà T nữa nên cương quyết xin ly hôn với bà. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tiêu Tuấn A.

Đối với bà Lê Bích T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà bà T tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà T đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của ông Tiêu Tuấn A. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà Lê Bích T theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Ông Tiêu Tuấn A xác định ông và bà Lê Bích T có 01 người con chung tên Tiêu Thái S - sinh ngày 08/3/2001, hiện nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tiêu Tuấn A xác định ông và bà Lê Bích T không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Tiêu Tuấn A phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001490, ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Như vậy, ông Tiêu Tuấn A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Tiêu Tuấn A được ly hôn với bà Lê Bích T.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Tiêu Tuấn A phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001490, ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang). Như vậy, ông Tiêu Tuấn A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 08/8/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- Cơ quan thi hành án;
- UBND xã Vĩnh Tuy;

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Hoài Thanh